TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 1168/2017/KDTM-PT
Ngày: 19 - 12 - 2017
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Biện Thị Hoa**

Các Thẩm phán: Bà **Vũ Thị Thu Hà**

Ông **Đỗ Đức Vân Hồng**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Bà Phan Thị Thu Hiền** - cán bộ Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Kim Tuyến** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 11 và ngày 19 tháng 12 năm 2017, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/TLPT-KDTM ngày 17 tháng 5 năm 2016, về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2016/KDTM-ST ngày 28/3/2016 của Toà án nhân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 835/2017/QĐ-PT ngày 02/10/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 5773/2017/QĐ-PT ngày 30/10/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ
Địa chỉ: Số A đường D, phường N, Quận R, TP Hồ Chí Minh
Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh V. T ; Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà V. K (Giấy ủy quyền số 02/2016/UQ-Đ ngày 16/3/2017;
Địa chỉ: Tầng 2, số B đường D, phường N, Quận R, TP Hồ Chí Minh (Có mặt)

2. Bị đơn:
1/ Ông Lê N. C , sinh năm 1961 (Có mặt);
2/ Bà Nguyễn H, sinh năm 1967 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Số A đường B tổ C, ấp D, xã M, huyện C, TP Hồ Chí Minh
Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn: ông Đặng Minh G, sinh năm 1970
Địa chỉ: Số R đường S, phường R, Quận V, TP Hồ Chí Minh

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1/ Ông Lê Quốc L, sinh năm 1968 (Có mặt)
Địa chỉ: Số C đường B tổ C, ấp D, xã M, huyện C, TP Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đặng Minh G, sinh năm 1970
Địa chỉ: Số R đường S, phường R, Quận V, TP Hồ Chí Minh
2/ Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1972 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Số B đường B tổ C, ấp D, xã M, huyện C, TP Hồ Chí Minh
3 / Ông Lê Hữu C, sinh năm 1954 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Số C đường B tổ C, ấp D, xã M, huyện C, TP Hồ Chí Minh
Người đại diện theo ủy quyền: ông Đặng Minh G, sinh năm 1970
Địa chỉ: Số R đường S, phường R, Quận V, TP Hồ Chí Minh
4/ Bà Lê Thanh T, sinh năm 1986 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Số C đường B tổ C, ấp D, xã M, huyện C, TP Hồ Chí Minh
5/ Ông Trần Quý T, sinh năm 1973 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Số C đường B tổ C, ấp D, xã M, huyện C, TP Hồ Chí Minh
6/ Bà Lê Thảo T, sinh năm 1988 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Số C đường B tổ C, ấp D, xã M, huyện C, TP Hồ Chí Minh
7/ Bà Lê Trang Thanh H, sinh năm 1991 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Số C đường B tổ C, ấp D, xã M, huyện C, TP Hồ Chí Minh
8/ Ông Lê Kỳ T, sinh năm 1963 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Số D đường B tổ C, ấp D, xã M, huyện C, TP Hồ Chí Minh
9/ Bà Trịnh Xuân T, sinh năm 1969 (Có mặt)
Địa chỉ: Số D đường B tổ C, ấp D, xã M, huyện C, TP Hồ Chí Minh
10/ Ông Lê Bé B, sinh năm 1952 (mất ngày 25/11/2016)
Địa chỉ: 16 đường B tổ C, ấp D, xã M, huyện C, TP Hồ Chí Minh
Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng:
- Bà Nguyễn Bạch C, sinh năm: 1955
- Bà Lê Thanh Y, sinh năm: 1985
- Ông Lê Thanh N, sinh năm: 1986
- Bà Lê Thanh N, sinh năm: 1995
- Ông Lê Thanh N, sinh năm: 1982

Cùng Địa chỉ: 16 đường B tổ C, ấp D, xã M, huyện C, TP Hồ Chí Minh
11/ Bà Nguyễn Bạch C, sinh năm 1955 (Vắng mặt)
Địa chỉ: 16 đường B tổ C, ấp D, xã M, huyện C, TP Hồ Chí Minh
12/ Bà Lê Thanh Y, sinh năm 1985 (Vắng mặt)
Địa chỉ: 16 đường B tổ C, ấp D, xã M, huyện C, TP Hồ Chí Minh
13/ Ông Lê Thanh N, sinh năm 1986 (Có mặt)
Địa chỉ: 16 đường B tổ C, ấp D, xã M, huyện C, TP Hồ Chí Minh
14/ Bà Lê Thanh N, sinh năm 1995 (Vắng mặt)
Địa chỉ: 16 đường B tổ C, ấp D, xã M, huyện C, TP Hồ Chí Minh
15/ Ông Lê Công P, sinh năm 1982 (Vắng mặt)
Địa chỉ: 16 đường B tổ C, ấp D, xã M, huyện C, TP Hồ Chí Minh
16/ Ông Lê Quốc T, sinh năm 1992 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Số A đường B tổ C, ấp D, xã M, huyện C, TP Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm nội dung vụ án như sau :

Theo đơn khởi kiện lập ngày 25 tháng 02 năm 2013, lời khai, biên bản không tiến hành hòa giải được trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ– có người đại diện theo ủy quyền là ông Phan Nguyễn H. P trình bày như sau:

Ngày 26 tháng 9 năm 2011, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ và ông Lê N. C, bà Nguyễn H đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 0132/2011/HĐTD-CN vay số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng), mục đích bổ sung vốn kinh doanh (bổ sung vốn lưu động). Thời hạn vay là 12 tháng (kể từ ngày rút vốn lần đầu). Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm ký kết Hợp đồng tín dụng là 23,4%/năm cố định trong 03 tháng đầu và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 06 tháng trả lãi cuối kỳ + biên độ lãi suất là 10%/năm và được điều chỉnh theo quy định lãi suất cho vay của Đ theo từng thời kỳ nhưng không thấp hơn 23,4%/năm. Quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông C, bà H đã thế chấp tài sản cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đlà quyền sử dụng đất diện tích 2.108m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1349QSDĐ/ĐG ngày 05 tháng 9 năm 2001 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Lê N. C.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông C và bà H đã thực hiện trả lãi được 12 kỳ với số tiền lãi là 115.798.044đồng, và bắt đầu vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 15/11/2012. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu ông C, bà H thanh toán số tiền nợ nhưng đến nay ông C, bà H vẫn chưa thanh toán.

Tại phiên tòa, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Lê N. C và bà Nguyễn H phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số nợ gốc là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi chậm trả tính đến ngày 24/3/2016 là: 475.150.000đ (Bốn trăm bảy mươi lăm triệu một trăm năm ngàn đồng. Tổng cộng phải thanh toán số tiền 875.150.000đ (Tám trăm bảy mươi lăm triệu một trăm năm mươi ngàn đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 25/3/2016 cho đến khi ông Cống, bà Huệ thanh toán hết số tiền nêu trên cho Ngân hàng TMCP Đ trên số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số số 0132/2011/HĐTD-CN.

Nếu ông C, bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm nợ vay là Quyền sử dụng đất phần diện tích 2.108m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1349QSDĐ/ĐG ngày 05 tháng 9 năm 2001 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Lê N. C để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0109/2011/BĐ ngày 26/9/201. Đối với các tài sản trên đất không có thế chấp sẽ hoàn trả giá trị cho người sở hữu hợp pháp.

Bị đơn là ông Lê N. C, bà Nguyễn H có đại diện theo ủy quyền là ông Đặng Minh G trình bày trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa xác định ông C và bà H có vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền nợ gốc và đã thanh toán số tiền lãi như nguyên đơn trình bày. Quá trình thực hiện hợp đồng, do bị đơn mất có khả năng thanh toán mà nguyên đơn không đồng ý cho vay lại nên đã phát sinh tranh chấp.

Nay bị đơn đồng ý trả lại số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 15/11/2012 đến nay theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố là 9%/năm, với số tiền là 150.000.000đồng; Thời gian và cách trả: Trả một lần trong thời hạn 03 tháng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Lê Quốc L có người đại diện theo ủy quyền là ông Đặng Minh G trình bày tại bản tự khai ngày 07 tháng 7 năm 2015 và tại phiên Tòa, ông L và gia đình đang sống trên phần đất diện tích 2.108m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1349QSDĐ/ĐG ngày 05 tháng 9 năm 2001 do Ủy

ban nhân dân huyện C cấp cho ông Lê N. C. Ông C và ông L là anh em ruột. Khi ông C thế chấp phần diện tích đất 2.108m^2 trên ông L không biết, do vậy ông không đồng ý cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ phát mãi phần diện tích đất 2.108m^2 vì trên đất có căn nhà cấp 4 của ông L. Đồng thời ông xác định không yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày tại bản tự khai ngày 07 tháng 7 năm 2015, bà là vợ ông L, bà không đồng ý cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ phát mãi phần diện tích đất 2.108m^2 và xác định không yêu cầu gì trong vụ kiện này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hữu C có người đại diện theo ủy quyền là ông Đặng Minh G trình bày tại bản tự khai ngày 07 tháng 7 năm 2015 và tại phiên Tòa, ông Hữu C và gia đình đang sống trên phần đất diện tích 2.108m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1349QSDĐ/ĐG ngày 05 tháng 9 năm 2001 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Lê N. C. Ông C và ông Hữu C là anh em ruột. Việc ông C thế chấp, ông không biết và không đồng ý cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ phát mãi phần diện tích đất 2.108m^2 vì trên đất có căn nhà cấp 4 của ông Hữu C. Ông xác định không yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thanh T trình bày tại bản tự khai ngày 07 tháng 7 năm 2015, bà là con của ông Hữu C, bà không đồng ý cho Ngân hàng TMCP Đ phát mãi phần diện tích đất 2.108m^2 và không yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quý T trình bày tại bản tự khai ngày 07 tháng 7 năm 2015, ông là con rể của ông Hữu C, ông không đồng ý cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ phát mãi phần diện tích đất 2.108m^2 và không yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thảo T trình bày tại bản tự khai ngày 07 tháng 7 năm 2015, bà là con của ông Hữu C, bà không đồng ý cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ phát mãi phần diện tích đất 2.108m^2 và không yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Trang Thanh H trình bày tại bản tự khai ngày 07 tháng 7 năm 2015, bà là con của ông Hữu C, bà không đồng ý cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ phát mãi phần diện tích đất 2.108m^2 và không yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Kỳ T trình bày tại bản tự khai ngày 07 tháng 7 năm 2015, ông và gia đình đang sống trên phần đất diện tích 2.108m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1349QSDĐ/ĐG ngày 05 tháng 9 năm 2001 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Lê N. C. Ông C và ông là anh em ruột. Khi ông Cthế chấp phần diện tích đất 2.108m^2 trên ông không biết. Do vậy, ông không đồng ý cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ phát mãi phần diện tích đất 2.108m^2 vì trên đất có căn nhà cấp 4 của ông L. Đồng thời ông xác định không yêu cầu gì trong vụ kiện này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Xuân T trình bày tại bản tự khai ngày 07 tháng 7 năm 2015 và tại phiên tòa, bà là vợ ông Trung, bà không đồng ý cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ phát mãi phần diện tích đất 2.108m^2 vì trên đất có căn nhà cấp 4 của vợ chồng bà xây dựng năm 2006. Đồng thời bà xác định không yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Bé B có người đại diện theo ủy quyền là ông Đặng Minh G trình bày tại bản tự khai ngày 07 tháng 7 năm 2015 và tại phiên Tòa, ông Ba và gia đình đang sống trên phần đất diện tích 2.108m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1349QSDĐ/ĐG ngày 05 tháng 9 năm 2001 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Lê N. C. Ông C và ông B là anh em ruột. Ông không đồng ý cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ phát mãi phần diện tích đất 2.108m^2 vì trên đất có căn nhà cấp 4 của ông được xây dựng từ năm 1993. Đồng thời ông xác định không yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Bạch C trình bày tại bản tự khai ngày 07 tháng 7 năm 2015, bà là vợ của ông Ba, bà không đồng ý cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ phát mãi phần diện tích đất 2.108m^2 vì trên đất có căn nhà cấp 4 của vợ chồng bà. Đồng thời bà xác định không yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thanh Y trình bày tại bản tự khai ngày 07 tháng 7 năm 2015, bà là con của ông B, bà không đồng ý cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ phát mãi phần diện tích đất 2.108m^2 vì trên đất có căn nhà cấp 4 hiện bà cùng gia đình đang sinh sống. Đồng thời bà xác định không yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thanh N trình bày tại bản tự khai ngày 07 tháng 7 năm 2015, bà là con của ông Ba, bà không đồng ý cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ phát mãi phần diện tích đất 2.108m^2 vì trên đất có căn nhà cấp 4 hiện bà cùng gia đình đang sinh sống. Đồng thời bà xác định không yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thanh N trình bày tại bản tự khai ngày 07 tháng 7 năm 2015, bà là con của ông Ba, bà không đồng ý cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ phát mãi phần diện tích đất 2.108m^2 vì trên đất có căn nhà cấp 4 hiện bà cùng gia đình đang sinh sống. Đồng thời bà xác định không yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Công P trình bày tại bản tự khai ngày 07 tháng 7 năm 2015, ông là con của ông Ba, ông không đồng ý cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ phát mãi phần diện tích đất 2.108m^2 vì trên đất có căn nhà cấp 4 hiện ông cùng gia đình đang sinh sống. Đồng thời ông xác định không yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Quốc T trình bày tại bản tự khai ngày 13 tháng 8 năm 2015, ông là con của ông C, bà H, ông thống nhất ý kiến của ông C, bà H.

Tại Bản án sơ thẩm số 06/2016/KDTM-ST ngày 28/3/2016 của Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Buộc ông Lê N. C và bà Nguyễn H phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền nợ gốc là 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng và tiền lãi chậm trả tính đến ngày 24/3/2016 là 475.150.000 (Bốn trăm bảy mươi lăm triệu một trăm năm mươi ngàn) đồng, tổng cộng số tiền là 875.150.000 (Tám trăm bảy mươi lăm triệu một trăm năm mươi ngàn) đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông Lê N. C và bà Nguyễn H phải chịu thêm tiền lãi phát sinh kể từ ngày 25/3/2016 cho đến khi ông C, bà H thanh toán hết số tiền nêu trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ trên số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số số 0132/2011/HĐTD-CN.

Ngay sau khi ông Lê N. C và bà Nguyễn H thanh toán hết tiền nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có trách nhiệm trả lại cho ông C, bà H bản chính Giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1349QSDĐ/ĐG ngày 05 tháng 9 năm 2001 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Cống.

Nếu ông Lê N. C và bà Nguyễn H vi phạm nghĩa vụ trả nợ đúng thời hạn nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0109/2011/BĐ ngày 26/9/2011 được xác lập giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ và ông Lê N. C, bà Nguyễn H tại Phòng công chứng số 3 Thành phố Hồ Chí Minh để thu hồi nợ.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 12/4/2016, bà Trịnh Xuân T, ông Lê Bé B, ông Lê Hữu C, ông Lê Quốc L đơn xin kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà Phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng đã xem xét giảm lãi cho phía bị đơn, chỉ yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền gốc và lãi là 762.700.000 đồng. Đến thời điểm hiện tại, bị đơn đã thanh toán được 730.000.000 đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn lại là 32.700.000 đồng, trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Lê N. C trình bày: Đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Xuân T, ông Lê Quốc L, ông Lê Thanh N trình bày: Đồng ý với thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn, không trình bày ý kiến nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Đơn kháng cáo của đương sự còn trong thời hạn luật định. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý đến khi xét xử tại phiên tòa những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án và sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật hoặc đạo đức xã hội, nên căn cứ theo quy định tại Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến của các đương sự; nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân

Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

I- Về hình thức: Đơn kháng cáo của các đương sự nộp Tòa án trong thời hạn luật định.

II- Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và sự thỏa thuận này không trái pháp luật hoặc đạo đức xã hội, nên căn cứ theo quy định tại Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

III- Về án phí:

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 21/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Án phí sơ thẩm: Bị đơn chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tính trên số tiền 32.700.000 đồng phải trả cho nguyên đơn.

- Án phí phúc thẩm: Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm nên những người kháng cáo phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ nêu trên;

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

I- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 06/2016/KDTM-ST ngày 28 tháng 3 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

1. Ông Lê N. C và bà Nguyễn H phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền 32.700.000 đồng, hạn cuối thanh toán vào ngày 29 tháng 12 năm 2017.

Ngay sau khi ông Lê N. C và bà Nguyễn H thanh toán hết tiền nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có trách nhiệm trả lại cho ông C, bà H bản chính Giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1349QSDĐ/ĐG ngày 05 tháng 9 năm 2001 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho ông Cống.

Nếu ông Lê N. C và bà Nguyễn H vi phạm nghĩa vụ trả nợ đúng thời hạn nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0109/2011/BĐ ngày 26/9/2011 được xác lập giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ và ông Lê N. C, bà Nguyễn H tại Phòng công chứng số 3 Thành phố Hồ Chí Minh để thu hồi nợ.

2. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

Án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: số tiền 2.000.000 đồng ông Lê N. C và bà Nguyễn H phải chịu.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.803.400 (Mười triệu tám trăm lẻ ba ngàn bốn trăm) đồng theo biên lai số 02238 ngày 19 tháng 3 năm 2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Chi phí định giá, đo đạc số tiền 10.105.000 (Mười triệu một trăm lẻ năm ngàn) đồng buộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ phải chịu, trừ vào tiền tạm ứng chi phí định giá, đo đạc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đã nộp là 10.105.000 (Mười triệu một trăm lẻ năm ngàn) đồng. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đã nộp đủ chi phí định giá, đo đạc.

3. Về án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm:

Ông Lê Hữu C, ông Lê Quốc L, bà Trịnh Xuân T và ông Lê Bé B mỗi đương sự phải chịu 200.000 đồng, được trừ vào tiền các đương sự đã tạm ứng án phí như sau:

- Ông Lê Bé B đã nộp 200.000 đồng theo Biên lai thu số 0006060 ngày 12/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Lê Hữu C đã nộp 200.000 đồng theo Biên lai thu số 0006059 ngày 12/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Lê Quốc L đã nộp 200.000 đồng theo Biên lai thu số 00006058 ngày 12/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Trịnh Xuân T đã nộp 200.000 đồng theo Biên lai thu số 0006061 ngày 12/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự đã nộp đủ án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Biện Thị Hoa